

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU PHONG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số:13/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-9- 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con” giữa bà Nguyễn Thị Nh với  
ông Nguyễn Đức T.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Toàn và bà Trần Thị Ngải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Tiến Lực - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Ngô Xá Thanh L, xã Triệu Tr, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng T- Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Ngô Xá Thanh L, xã Triệu Tr, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng T- Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà Nguyễn Thị Nh với ông Nguyễn Đức T yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Tr, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trào ngày 07/7/2007. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng làm ăn và sinh sống tại Thôn Ngô Xá Thanh L, xã Triệu Tr, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Mỗi lần đi nhậu về thì ông T lại gây gỗ, chửi bới, đánh đập vợ con, bên cạnh đó mẹ chồng thường nghe lời ông T nên hắt hủi bà Nh, vào ngày 20/02/2020 mẹ chồng đã đuổi bà Nh ra khỏi nhà nên bà Nh đã về sống tại nhà bố, mẹ đẻ của mình tại Thôn Ngô Xá Thanh L, xã Triệu Tr, huyện Triệu Ph từ đó đến nay. Bà Nh thấy ông T cũng không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc gia đình

mà cũng bỏ mặc bà Nhsống một mình, không còn quan tâm, thương yêu bà Nhđề nhằm cải thiện tình cảm vợ chồng, bà Nhcho rằng sức chịu đựng của bản thân mình có hạn, tình cảm vợ chồng ngày một xa nhau, không còn gắn bó như trước đây. Do đó, bà Nhthấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích Hôn nhân không đạt được và không ai quan tâm đến ai nữa, nên bà Nhđề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nhđược ly hôn với ông T càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/4/2008 và cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 14/9/2009. Từ trước đến nay cả hai cháu đều ở với bà Nhvà ông T. Nếu ly hôn bà Nhxin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu Hvà cháu Lvà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/ 2020 ông Nguyễn Đức T trình bày:* Ông T đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị Nh đã trình bày về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì ông T thừa nhận thời gian gần đây vợ chồng có xích mích, cãi vã, xung đột lẫn nhau dẫn đến mất mát tình cảm vợ chồng, nên tháng 01/2020, bà Nhđã bỏ về nhà bố, mẹ của mình ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/4/2008 và cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 14/9/2009. Từ trước đến nay cả hai cháu đều ở với bà Nhvà ông T. Khi ly hôn nguyện vọng của 02 cháu mong muốn được ở với bố, hoặc mẹ là tùy thuộc vào nguyện vọng của 02 cháu, ông T đồng ý theo nguyện vọng của các cháu và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 09/9/2020, cháu Nguyễn Thị L và cháu Nguyễn Thị H đều có bản trình bày: Các cháu muốn được học hành và có cuộc sống ổn định. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng bà Nh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong phát biểu ý kiến đối với việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Nguyễn Đức T; về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/4/2008 và cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 14/9/2009 cho bà Nguyễn Thị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: Bà Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn và bị đơn. Tòa án cũng đã 02 lần tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho ông T, nhưng cả 02 lần ông T đều không có mặt nên Tòa án đã gửi thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bị đơn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong tiến hành mở phiên tòa nhưng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định đến ngày 29/9/2020 xét xử lại vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

**[2] Về nội dung:** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện:

-Về quan hệ Hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Đức T là Hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2018, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông T hàng ngày chỉ biết ăn nhậu, không chăm lo làm ăn và không có trách nhiệm với vợ, con nên vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã lẫn nhau. Thậm chí, những lần đi nhậu về, ông T lại kiếm cớ gây gổ chửi bới, bạo lực gia đình. Ngày 20/02/2020, mẹ chồng đuổi bà Nh ra khỏi nhà nên bà Nh đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của mình ở Thôn Ngô Xá Thanh L, xã Triệu Tr, huyện Triệu Ph, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Mặc dù tại phiên tòa, ông T vắng mặt nhưng tại biên bản trình bày ý kiến, ông T thừa nhận vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã nhau làm mất mát tình cảm. Nếu bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông T đồng ý. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Trung về tình trạng Hôn nhân giữa bà Nh và ông T và lời trình bày của bà Nh tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hai người đã sống ly thân một thời gian, mục đích Hôn nhân không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nh, xử cho bà Nh được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[3] Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/4/2008 và cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 14/9/2009. Bà Nh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu ông Nguyễn Đức T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, hai cháu H và L đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Kết quả xác

minh tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Trung thì ông T thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo đến vợ con. Để đảm bảo quyền lợi cho hai cháu và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai cháu H và L cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, tuy đã được Hội đồng xét xử giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng bà N vẫn không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[4] Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có.

**[5] Về án phí:** Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

**Về quan hệ Hôn nhân:** Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

**Về con chung:** Xử giao hai cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/4/2008 và cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 14/9/2009 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Đức T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004641 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng T (Bà N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lan Hương**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THẨM**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lan Hương**

